

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-TNMT ngày 28/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech, địa chỉ trụ sở chính tại lô E5, Khu công nghiệp (KCN) Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy chế tạo khuôn, tools Automech” tại lô E5, KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế tạo khuôn, tools Automech.

1.2. Chủ dự án: Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô E5, KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400378368, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 28/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06/02/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1372014116 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 12/9/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 11/3/2024.

1.5. Mã số thuế: 2400378368.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất các cấu kiện kim loại, chi tiết: Sản xuất kết cấu thép và cầu trục công nghiệp;

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất, gia công khung, giá đỡ, bộ gá kẹp; Sản xuất gia công khuôn mẫu chính xác;

- Gia công cơ khí, chi tiết: Gia công linh phụ kiện, các bộ phận của máy chuyên dụng;

- Kinh doanh bất động sản, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng và văn phòng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô E5, KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng là 10.583 m².

- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)¹.

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất các cấu kiện kim loại, chi tiết: Sản xuất kết cấu thép và cầu trục công nghiệp: 200 tấn sản phẩm/năm;

+ Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết:

++ Sản xuất, gia công khung, giá đỡ, bộ gá kẹp: 10.000.000 sản phẩm/năm;

++ Sản xuất, gia công khuôn mẫu chính xác: 1.000 sản phẩm/năm;

+ Gia công cơ khí, chi tiết: Gia công linh phụ kiện, các bộ phận của máy chuyên dụng: 5.000.000 sản phẩm/năm;

+ Kinh doanh bất động sản, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng và văn phòng, diện tích 3.000 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

¹ quy định tại STT2, mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech được cấp Giấy phép môi trường được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi

trường đối với dự án “Nhà máy chế tạo khuôn, tools Automech” tại lô E5, KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 410/QĐ-TNMT ngày 31/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Nénh; Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang; Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và tools Automech (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang (chủ đầu tư hạ tầng KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó xả thải ra môi trường (theo Hợp đồng xử lý nước thải số 01/2023/HĐKT/XLNTĐT ngày 01/6/2023 giữa Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và Tools Automech với Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ ở 04 bể tự hoại 3 ngăn (03 bể, thể tích 15,68 m³/bể; 01 bể, thể tích 20,79 m³) tại khu vực nhà ăn, ngoài trời, nhà xưởng và khu vực nhà bảo vệ được thu gom bằng đường ống uPVC 110, D140 chiều dài khoảng 235m và nước thải từ nhà bếp được thu gom qua 01 bể tách mỡ, thể tích 5,44m³. Sau đó, toàn bộ nước thải này được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm của dự án để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên tại hố ga có tọa độ X = 2352147.66, Y = 408754.86 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể gom, bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước

thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.
- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: Clorine để khử trùng nước thải: 01 kg/tháng.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, với tần suất 03 tháng/lần.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó chủ dự án có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt QCCP, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý, sửa chữa kịp thời. Đồng thời thông báo đến chủ đầu tư hạ tầng KCN Đình Trám để xử lý và có phương án tiếp nhận nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 9/2024 đến 12/2024.

2.2. Công trình thiết bị vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu trước: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,0 - 9,0
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
4	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10
5	Tổng Phốt pho	mg/l	6
6	Tổng Nitơ	mg/l	40
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu
Lấy mẫu nước thải (nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải)	01 mẫu đơn nước thải đầu vào	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Amoni (NH ₄ ⁺), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	Thực hiện lấy mẫu 01 lần/ngày. Ngày lấy mẫu: Ngày 17/11/2024
	01 mẫu đơn nước thải đầu ra		Lấy 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tại hố ga đầu nổi nước thải sau xử lý. Thời gian trong 03 ngày liên tiếp, cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 17/11/2024 + Lần 2: Ngày 18/11/2024 + Lần 3: Ngày 19/11/2024

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ đầu tư hạ tầng KCN Đình Trám, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn, phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí tại khu vực để máy móc giữa nhà xưởng. Tọa độ: X= 2352171.35, Y= 408681.63 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thiết bị giảm âm, giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.
- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: khẩu trang, găng tay, nút tai,...) cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn khi vận hành.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm để không làm ảnh hưởng tới hoạt động giao thông khu công nghiệp.

- Bỏ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan cho dự án, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 143,2 kg/tháng, gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	20
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	0,2
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	10
4	Dầu làm mát	Lỏng	17 03 04	5
5	Bao bì kim loại cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất bằng kim loại	Rắn	18 01 04	23
6	Bao bì nhựa cứng, vỏ thùng, can đựng dầu mỡ, hóa chất thải bằng nhựa	Rắn	18 01 01	25
7	Phoi vụn kim loại dính dầu	Rắn	07 03 11	60
Tổng cộng				143,2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 3.391 kg/tháng, gồm:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Sắt thép phế liệu	Kg/tháng	2.500
2	Sản phẩm lỗi hỏng	Kg/tháng	833
3	Ốc vít hỏng	Kg/tháng	5
4	Dây điện lõi nhôm	Kg/tháng	3
5	Pallet gỗ phế liệu	Kg/tháng	50
Tổng cộng			3.391

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ công nhân viên khoảng 20 kg/ngày, tương đương 600 kg/tháng, với thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng,....

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại các loại chất thải nguy hại, bên ngoài được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế cấu tạo của kho chứa: Kho xây dựng khép kín, nền bê tông, tường gạch bao quanh, hệ cột thép, được hoàn thiện bằng mái tôn tráng kẽm, chiều cao công trình cao 2,55m (tính từ nền bê tông đến đỉnh mái), có biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 02 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, đặt tại các khu vực sản xuất trong nhà xưởng để thu gom triệt để 100% lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

2.2.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất rắn công nghiệp thông thường: 01 kho, diện tích 20 m², được bố trí bên trong nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Không gian mở, nền xi măng, kê sơn xung quanh để phân khu và có biển hiệu thị vị trí.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định (tần suất 01 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 04 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, đặt tại quanh khu vực nhà xưởng; 01 thùng, có nắp đậy dung tích là 240 lít, đặt tại nhà ăn ca, nhà bếp để công nhân bỏ chất thải. Ngoài ra, bố trí các sọt đựng rác tại

tùng phòng vệ sinh và khu vực văn phòng để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ những khu vực này.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định, tần suất hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị tự động, khuôn và Tools Automech có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3 kèm

theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 305/TTr-TNMT ngày 28/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.